

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 227/2021/HS-ST
Ngày: 31-8-2021*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quỳ

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 217/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ tên: **Trần Đăng N** - sinh năm 1983 tại: Tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ dân phố 3, phường H, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đăng A và bà Trần Thị H; có vợ Chu Thị Bích P (đã ly hôn) và 02 con; tiền án: Ngày 28-11-2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26-11-2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 33 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 08-5-2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11-6-2021, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 17-6-2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Nam Định; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Triệu Tiến T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 20 đường Đ, phường H, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện N, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt tại phiên tòa.

Anh Phạm Trọng Đ, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số 377 đường L, phường M, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 05-6-2021, Trần Đăng N điều khiển xe máy biển kiểm soát: 18F3-8654 đi quanh khu vực đường A, phường V, thành phố Đ tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến khu vực trước cửa nhà số 35A đường A thì thấy nhà đang xây dựng do chủ thầu xây dựng và quản lý tài sản là anh Triệu Tiến T. Quan sát thấy cửa nhà bằng sắt xếp đang mở, không có ai trông coi, N điều khiển xe máy lại gần và dựng xe sát tường đối diện cửa nhà số 35A đường A rồi đi vào trong nhà. Khi vào bên trong, N thấy gian ngoài tầng một có 02 chiếc máy tời màu đỏ, gian nhà phía trong có 01 chiếc máy cắt (mài) cầm tay màu đỏ. N dùng tay phải cầm chiếc máy cắt (mài) đi ra đặt ở khu vực gần bậc thang ở cửa ra vào rồi vào bê 02 chiếc máy tời ra đặt cạnh chiếc máy mài. N ra ngoài quay xe hướng vào trong ngõ 245 đường K sát cửa nhà 35A A. Do không chở hết được một lần nên N cầm chiếc máy cắt (mài) và bê chiếc máy tời thứ nhất đặt ở giá để đồ trước yên xe rồi điều khiển đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đến cửa hàng điện máy T tại địa chỉ: Số 06 đường C, phường T, thành phố Đ, N bán cho nhân viên cửa hàng là anh Nguyễn Thành L chiếc máy tời với giá 1.400.000 đồng. Sau khi bán được chiếc máy tời thứ nhất, khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, N tiếp tục quay lại ngôi nhà số 35A A, phường V, thành phố Đ lấy nốt chiếc máy tời thứ 2 để ở giá để đồ trước yên xe rồi điều khiển đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đến cửa hàng điện máy tại địa chỉ: Số 377 đường L, phường M, thành phố Đ, N bán cho nhân viên cửa hàng là anh Phạm Trọng Đ chiếc máy tời thứ 2 được 1.200.000 đồng. Sau đó N đi uống nước tại đường L, thành phố Đ. Tại đây, N bán chiếc máy mài cho 01 thanh niên không quen biết được 200.000 đồng rồi đi về nhà. Tổng số tiền N bán tài sản trộm cắp được 2.800.000 đồng, số tiền trên N đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh Triệu Tiến T đã lên Công an phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định trình báo sự việc. Công an phường Lộc Vượng đã triệu tập Trần Đăng N và thực hiện một số hoạt động điều tra ban đầu. Tại Công an phường Lộc Vượng, N đã đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Công an phường Lộc Vượng đã thu giữ 01 đĩa DVD bên trong lưu trữ 03 đoạn video trích xuất từ mắt camera lắp đặt ở phía trước nhà 60/245 đường K,

phường V, thành phố Đ ghi nhận hình ảnh N trộm cắp số tài sản trên. Thu giữ của Trần Đăng N 01 xe máy biển kiểm soát: 18F3-8654, 01 áo gió màu ghi có mũ, ở ngực trái có ghi nhãn hiệu Men's clothes, 01 quần dài màu đen. Ngoài ra, anh Nguyễn Thành L và anh Phạm Trọng Đ đã tự nguyện giao nộp 02 chiếc máy tời màu đỏ đã mua của N. Sau khi hoàn thiện hồ sơ, Công an phường Lộc Vượng đã chuyển toàn bộ hồ sơ cùng đối tượng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra, Trần Đăng N đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định đoạn video thu giữ tại camera an ninh lắp đặt trước nhà 60/245 đường K, phường V, thành phố Đ. Tại bản kết luận giám định số 838/KL-PC09 ngày 30-6-2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự công an tỉnh Nam Định kết luận: Không phát hiện dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong toàn bộ đoạn video cần giám định.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Nam Định định giá 02 chiếc máy tời là vật chứng của vụ án có trị giá 4.200.000 đồng, định giá qua hồ sơ chiếc máy cắt (mài) có trị giá 150.000 đồng; tổng tài sản N trộm cắp có trị giá 4.350.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã trả lại 02 chiếc máy tời cho anh Triệu Tiến T. Anh T nhận lại tài sản và yêu cầu N bồi thường cho mình trị giá chiếc máy cắt (mài). Anh Nguyễn Thành L và anh Phạm Trọng Đ yêu cầu N hoàn trả cho các anh số tiền các anh đã dùng để mua chiếc máy tời. Hiện N chưa bồi thường hay hoàn trả tiền cho anh T, anh L và anh Đ.

Đối với anh Nguyễn Thành L và anh Phạm Trọng Đ, khi thực hiện giao dịch mua bán tài sản với Trần Đăng N không biết tài sản là do Nam trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định không đặt ra vấn đề xử lý.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát: 18F3-8654, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định xác định chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Đăng Đ1 (bố đẻ của N). Ông Đ1 không biết N lấy xe đi thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã trả lại cho ông Đ1 chiếc xe máy trên, ông Đ1 nhận lại và không có ý kiến gì khác.

Bản cáo trạng số 220/CT-VKS ngày 02-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố bị cáo Trần Đăng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Trần Đăng N tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu

tổ cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Đăng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Trần Đăng N từ 21 tháng tù đến 24 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Triệu Tiến T số tiền 150.000 đồng; buộc bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Thành L số tiền 1.400.000 đồng, trả lại cho anh Phạm Trọng Đ số tiền 1.200.000 đồng. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Đăng N nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Đăng N; bị hại là anh Triệu Tiến T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành L, anh Phạm Trọng Đ không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Đăng N phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 07 giờ ngày 05-6-2021, tại khu vực nhà số 35A đường A, phường V, thành phố Đ, Trần Đăng N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 chiếc máy tời màu đỏ và 01 chiếc máy cắt (mài) cầm tay màu đỏ của anh Triệu Tiến T có tổng trị giá 4.350.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng trị giá 4.350.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Đăng N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Đăng N có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Xét bị cáo Trần Đăng N là đối tượng có nhân thân xấu đã được giáo dục nhiều lần nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội cho thấy bị cáo là đối tượng khó giáo dục, cải tạo. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Trần Đăng N không có công việc ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Triệu Tiến T yêu cầu bị cáo Trần Đăng N phải bồi thường cho anh T trị giá chiếc máy cắt (mài) là 150.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành L yêu cầu bị cáo Trần Đăng N hoàn trả số tiền 1.400.000 đồng là số tiền anh L đã bỏ ra mua chiếc máy tời mà bị cáo Trần Đăng N trộm cắp được. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Trọng Đ yêu cầu bị cáo Trần Đăng N hoàn trả số tiền 1.200.000 đồng là số tiền anh Đ đã bỏ ra mua chiếc máy tời mà bị cáo Trần Đăng N trộm cắp được. Căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trần Đăng N phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Triệu Tiến T số tiền 150.000 đồng là trị giá chiếc máy cắt (mài) mà bị cáo Trần Đăng N trộm cắp được; buộc bị cáo Trần Đăng N phải có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Thành L số tiền 1.400.000 đồng là số tiền anh L đã bỏ ra mua chiếc máy tời mà bị cáo Trần Đăng N trộm cắp được; buộc bị cáo Trần Đăng N phải có trách nhiệm trả lại cho anh Phạm Trọng Đ số tiền 1.200.000 đồng là số tiền anh Đ đã bỏ ra mua chiếc máy tời mà bị cáo Trần Đăng N trộm cắp được.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) áo khoác màu ghi và 01 (một) chiếc quần dài màu đen (đều đã cũ) thu giữ của Trần Đăng N, xét đây là trang phục bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Đăng N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật Tố

tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể như sau:

- Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng.
- Án phí đối với phần yêu cầu bồi thường dân sự của anh Triệu Tiến T, anh Nguyễn Thành L, anh Phạm Trọng Đ: 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Đăng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Đăng N 01 năm 06 tháng tù (một năm sáu tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày 11-6-2021.

2. Trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Đăng N phải bồi thường cho anh Triệu Tiến T số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Trần Đăng N phải trả cho anh Nguyễn Thành L số tiền 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Trần Đăng N phải trả cho anh Phạm Trọng Đ số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Triệu Tiến T, anh Nguyễn Thành L, anh Phạm Trọng Đ có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bị cáo Trần Đăng N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo khoác màu ghi và 01 (một) chiếc quần dài màu đen (đều đã cũ) đã thu giữ của bị cáo Trần Đăng N.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 23-7-2021).

4. Án phí:

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bị cáo Trần Đăng N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Đăng N được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Triệu Tiến T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành L, anh Phạm Trọng Đ (vắng mặt) được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thu Định

